TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **437**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/12/2022.
V/v tranh chấp: xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Văn Siêng**

2. Bà **Trần Kim Chi**

- Thư ký phiên tòa: bà **Phan Thị Ngọc Ngân,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên Tòa: ông **Nguyễn Văn Quí** - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2022 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2022/QĐST- HNGĐ ngày 21/11/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN THỊ TUYẾT M** – sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **TRẦN QUỐC N** – sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, Tiền Giang

(Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: chị và anh Nguyễn Trung Thành cưới nhau vào năm 2011, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi cưới chị và anh N sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh N thường xuyên cờ bạc, uống rượu dẫn

đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, và đã sống ly thân từ tháng 03/2021 cho đến nay. Nay chị M yêu cầu xin ly hôn với anh N.

- Về con chung: có 01 cháu tên Trần Đại L – sinh ngày 26/2/2012, cháu L đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lộc, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

***** Bị đơn anh Trần Quốc N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho anh N, nhưng anh N không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị M.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M xin vắng mặt.

Bị đơn anh Trần Quốc N vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết M; về con chung: giao cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Đại L – sinh ngày 26/2/2012, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là "xin ly hôn".

[1] Xét nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị M.

[2] Xét bị đơn anh Trần Quốc N đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh N.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết M là có cơ sở. Vì chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Trần Quốc N cưới nhau vào năm 2011, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T số 87/2011 ngày 28/10/2011. Sau khi cưới chị M và anh N sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, và chị M, anh N sống ly thân từ tháng 03/2021 cho đến nay, mà giữa chị M, anh N vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh N đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng

không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Đại L – sinh ngày 26/2/2012. Xét yêu cầu này của chị M là có cơ sở vì hiện tại cháu Lộc đang sống với chị M đã ổn định cuộc sống, nếu thay đổi sẽ ảnh hưởng đến tâm lý cũng như sinh hoạt bình thường của cháu L. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu L, Hội đồng xét xử giao cháu L cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu L và cũng phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị M không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: chị M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, nếu sau này chị M và anh N có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về nợ chung: không có.

[8] Về án phí: do chị M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự

- Áp dụng vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết M.

Chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Trần Quốc N.

Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Đại L – sinh ngày 26/2/2012 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Trần Quốc N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Quốc N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí: chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu số 0006460 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy chị M đã nộp xong án phí.

Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã T
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh